

XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ GẮN VỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI

NGUYỄN THỊ THANH TÂM*
TRẦN THANH TÙNG**

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là đường lối và chủ trương nhất quán của Việt Nam, từ đó, bảo đảm được tính độc lập, tự quyết của quốc gia có chủ quyền. Trong bối cảnh diễn biến kinh tế, chính trị thế giới ngày càng phức tạp, muốn phát triển đất nước hưng thịnh, bền vững, cần phải xây dựng và phát triển được nền kinh tế độc lập, tự chủ, đủ sức chống chịu trước các tác động tiêu cực từ bên ngoài. Bài viết tập trung luận giải tầm quan trọng về mối quan hệ cũng như nhiệm vụ của việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng của Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế độc lập tự chủ; hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng; bối cảnh mới.

Building an independent and self-reliant economy is a consistent policy and strategic direction of Vietnam, aimed at ensuring national sovereignty, independence, and self-determination. In the context of increasingly complex global economic and political developments, achieving sustainable and prosperous national development requires the establishment and advancement of an economy that is independent, self-reliant, and resilient to external shocks. This article is dedicated to dissecting the intricate relationship between economic independence and international integration. It also delves into the key tasks involved in constructing such an economy, particularly in the context of Vietnam's deepening ties with the global economy.

Keywords: Independent and self-reliant economy; international economic integration; building; new context.

NGÀY NHẬN: 04/3/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/6/2025

NGÀY DUYỆT: 16/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.354.2025.1216>

1. Đặt vấn đề

Xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ có tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình phát triển của các quốc gia, dân tộc. Vì vậy, mục tiêu độc lập, tự chủ được xác định rõ, đó là: (1) Quốc gia phải độc lập, tự chủ trong việc xây dựng đường lối, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội; (2) Phải có một nền kinh tế bảo đảm có nội lực mạnh về năng lực

sản xuất của nền kinh tế; về cơ cấu kinh tế hợp lý có khả năng chống chịu đối với các cú sốc từ bên ngoài. Trong bối cảnh cả dân tộc đang thực hiện cải cách bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả để bước vào kỷ nguyên phát triển cùng với sự phát

* TS, Học viện Chính trị khu vực I

** TS, Học viện Chính trị khu vực I

triển của khoa học - công nghệ số buộc Việt Nam không thể đứng ngoài tiến trình này. Việc tham gia hợp tác kinh tế quốc tế để tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài, tham gia sâu vào quá trình phân công lao động xã hội quốc tế sẽ mang đến cho Việt Nam có thể phát huy hết tiềm năng, lợi thế so sánh, tận dụng được những thành quả mà công nghệ số mang lại để phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời, phải xác định rõ đây là mối quan hệ mang tính biện chứng, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế đều có chung mục tiêu cuối cùng là vì lợi ích của quốc gia - dân tộc.

Hội nhập kinh tế quốc tế nhằm phát triển kinh tế đất nước, nâng cao đời sống của Nhân dân và để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; theo đó, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là cơ sở, điều kiện bảo đảm cho nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Độc lập, tự chủ trong bối cảnh hiện nay mang sắc thái mới vì nội hàm, mục tiêu, điều kiện, các công cụ và giải pháp, cách thức để thực hiện. Chính vì vậy, sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đang có độ mở nền kinh tế lớn, mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng, cơ hội phát triển mở ra không nhỏ nhưng cũng đặt cho nước ta nhiều khó khăn, thách thức của kinh tế toàn cầu. Do đó, việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là yêu cầu cấp thiết đối với quá trình phát triển của dân tộc trong kỷ nguyên tăng tốc, bứt phá trở thành quốc gia phát triển.

2. Thực tiễn xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập kinh tế quốc tế

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là mục tiêu xuyên suốt của Việt Nam kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế đến nay. Đây là chủ trương nhất quán, được xác định rõ trong Cương lĩnh, các nghị quyết của

Đảng và *Hiến pháp*, pháp luật của Nhà nước. Đại hội IX của Đảng lần đầu tiên tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế một cách toàn diện và cụ thể: “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước”¹. Đại hội lần thứ XII tiếp tục khẳng định: “Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế... kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ”². Đến nay, nội hàm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế càng được làm rõ: “Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước”³, trong đó đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với điều ước quốc tế và cam kết quốc tế.

Nhìn từ góc độ thực tiễn cho thấy, nền kinh tế Việt Nam, về mục tiêu và nội dung của phát triển kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập kinh tế đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhưng bên cạnh đó vẫn đang bộc lộ điểm yếu và chứa đựng những yếu tố làm suy giảm sự tự chủ về kinh tế.

Thứ nhất, năng lực sản xuất của nền kinh tế nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Hiện tại, chưa có đủ năng lực tự chủ trong các ngành sản xuất công nghiệp chủ yếu, nhất là trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn đang hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị, tỷ lệ nhập khẩu nguyên, nhiên liệu còn lớn. Chẳng hạn, năm 2022, toàn ngành chỉ chiếm 24,76% GDP⁴, tỷ lệ này quá thấp nếu so với các nước trong khu vực, như: ngành công nghiệp chế biến - chế tạo của Trung Quốc (chiếm 27,1% GDP), lần lượt là Hàn Quốc (25,3%), Thái Lan (25,3%), Malaysia (21,5%), Nhật Bản (20,7%), Singapore (19,8%) và Đức

là (19,4%)⁵. Theo đó cho thấy, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ phải nhìn từ góc độ tự chủ về công nghệ sản xuất của ngành công nghệ, chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, tính độc lập, tự chủ của khu vực sản xuất trong nước vẫn chưa cao, còn phải phụ thuộc nhiều vào bên ngoài.

Thứ hai, năng suất lao động của nền kinh tế còn thấp, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Việt Nam vẫn là nước có mức năng suất lao động thấp và có khoảng cách khá xa với các nước trong khu vực, đáng chú ý là chênh lệch tuyệt đối vẫn tiếp tục gia tăng. Năng suất lao động của Việt Nam năm 2022 đạt 20,4 nghìn USD, chỉ bằng 11,4% mức năng suất lao động của Singapore; 35,4% của Malaysia; 64,8% của Thái Lan. So với các nền kinh tế phát triển có quy mô lớn, năng suất lao động của Việt Nam bằng 15,4% của Hoa Kỳ; 19,1% của Pháp; 21,6% của Anh; 26,3% của Nhật Bản và 59% của Trung Quốc⁶.

Thứ ba, quy mô và trình độ công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và yếu, phần lớn doanh nghiệp nước ta có quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực về vốn hạn hẹp, trình độ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp; nhiều doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu, tụt hậu 2 - 3 thế hệ so với mức trung bình của thế giới. Trong giai đoạn 2011 - 2020, có 34,6 nghìn doanh nghiệp thuộc nhóm công nghệ trung bình, chiếm 32,4% và tăng 9,9%/năm; chỉ có 13,8 nghìn doanh nghiệp thuộc nhóm công nghệ cao, chiếm 12,9% và tăng bình quân 10,2%/năm⁷; đến năm 2022, có khoảng 75% công nghệ và thiết bị của doanh nghiệp Việt Nam có nguồn gốc từ nước ngoài..., thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào nguồn cung công nghệ từ các quốc gia đang phát triển, trình độ công nghệ ở mức trung bình thấp⁸. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo cũng mới chỉ đạt mức tăng trưởng 3,3%, trong đó tăng trưởng tập trung ở các doanh nghiệp có trình độ

công nghệ thấp tăng 3,9%, nhóm ngành công nghệ cao có mức tăng trưởng rất thấp: 0,1%, nhóm ngành trung bình tăng 3,5%⁹. Điều này cho thấy sự phụ thuộc công nghệ của nền kinh tế Việt Nam là một thực tế không thể phủ nhận.

Thứ tư, độ mở nền kinh tế lớn, nguyên liệu cho những ngành quan trọng vẫn phụ thuộc vào thị trường bên ngoài. Số liệu xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng phục vụ sản xuất cho thấy, chỉ tính riêng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện đạt 57,99 tỷ USD, máy vi tính đạt 55,53 tỷ USD, hàng may mặc đạt 37,6 tỷ USD, ngành thép đạt 8,4 triệu tấn tương đương 7,9 tỷ USD, xuất khẩu sản phẩm nhựa đạt 5,49 tỷ USD; xuất khẩu máy móc thiết bị của cả nước đạt 45,75 tỷ USD; dầu thô đạt 2,78 triệu tấn, trị giá xuất khẩu đạt 2,31 tỷ USD. Nhập khẩu thép 11,7 triệu tấn, tương đương 11,9 tỷ USD; nhập khẩu nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt trên 81,88 tỷ USD; nhập khẩu máy móc thiết bị của cả nước đạt 45,19 tỷ USD; lượng xăng dầu nhập khẩu và tạm nhập để tái xuất là 8,87 triệu tấn, trị giá khoảng 8,97 tỷ USD¹⁰.

Phân tích cơ cấu và chủ thể xuất khẩu của nền kinh tế Việt Nam đối với các mặt hàng trên cho thấy, doanh nghiệp FDI vẫn đang chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu những mặt hàng xuất khẩu. Trong đó, kim ngạch của khối doanh nghiệp FDI đạt 57,8 tỷ USD, tăng 1,35% so với năm trước và chiếm 99,67% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng¹¹; giá trị xuất khẩu của nhóm doanh nghiệp FDI đạt 42,55 tỷ USD, tăng 19,38%, chiếm 93% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng của cả nước¹². Dưới góc độ tiếp cận này, có thể thấy, nền kinh tế Việt Nam đang phụ thuộc quá mức vào các doanh nghiệp FDI ở góc độ thương mại và thiết lập các chuỗi cung ứng hàng hóa.

Như vậy, việc nhập khẩu chủ yếu nguyên liệu và thiết bị phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu phản ánh tính độc lập, tự chủ của khu vực sản xuất trong nước chưa cao,

còn phải phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế bên ngoài. Trong khi đó, rất nhiều nguồn nội lực của Việt Nam chưa được khai thác hiệu quả. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào ngành sản xuất vẫn còn nhiều hạn chế. Chính điều này đã phần nào đã kìm hãm tính tự chủ của nền sản xuất của Việt Nam.

3. Một số đề xuất

Để đạt được được mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045, Việt Nam cần phải tự chủ về kinh tế. Trên góc độ tiếp cận và phân tích, bài viết đưa ra một số định hướng sau:

Một là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Đây vừa là định hướng giải pháp, vừa là yêu cầu bắt buộc đối với nền kinh tế Việt Nam. Bởi thể chế hoàn thiện giúp cho các chủ thể kinh tế trong nước phát huy hết tiềm năng, sức mạnh, khai thác nguồn nội lực thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, góp phần đẩy mạnh tính chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế. Chính việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ bổ sung hoàn thiện bộ công cụ để nước ta từ chấp nhận luật chơi chuyển sang tham gia xây dựng luật chơi trên sân chơi kinh tế; đồng thời, xây dựng được các giải pháp “phòng vệ” cho nền kinh tế trước sự tác động từ những sức ép cạnh tranh và những cú sốc từ bên ngoài.

Hai là, năng lực điều hành, quản trị của Chính phủ phải được cải thiện và nâng cao ngang tầm thế giới.

Năng lực quản trị của Chính phủ thể hiện vai trò của định hướng của Nhà nước trong mối quan hệ tương quan với thị trường, do đó, không thể có được nền kinh tế tự chủ khi khả năng quản trị của Chính phủ yếu. Vì vậy, đến năm 2035, Chính phủ phải xây dựng, cải cách bộ máy nhà nước, nhân sự theo hướng chuyên nghiệp hóa cao độ để điều hành nền kinh tế vận hành thông suốt dựa trên các nguyên tắc, nâng cao chất lượng công tác xây

dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực, chất lượng phân tích, đánh giá, dự báo các lĩnh vực để đưa ra phản ứng chính sách kịp thời; cần quyết liệt, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế quốc gia, sử dụng linh hoạt, hợp lý, hiệu quả các công cụ của chính sách tài khóa, tiền tệ; củng cố ổn định vĩ mô, gia tăng sản xuất tiêu dùng trong nước, thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh; bảo đảm an ninh năng lượng, lương thực, an ninh tài chính tiền tệ để tạo dựng độc lập, tự chủ về tiềm lực kinh tế.

Ba là, thúc đẩy phát triển hệ thống doanh nghiệp trong nước cả về số lượng lẫn quy mô nhằm thiết lập chuỗi cung hiệu quả của nền kinh tế.

Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế trực tiếp tổ chức sản xuất, sức mạnh và năng lực sản xuất, cạnh tranh của doanh nghiệp phản ánh năng lực sản xuất, mức độ tự chủ của cả nền kinh tế, vì vậy, cần phải có những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để thúc đẩy khu vực doanh nghiệp công và tư phát triển nhanh, mạnh. Khi các tập đoàn kinh tế nhà nước, các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp tư nhân trong nước thiết lập mối quan hệ liên kết kinh tế bền chặt sẽ tạo thành hệ sinh thái kinh tế bền vững, vừa nâng cao khả năng chống chịu với các cú sốc từ bên ngoài, vừa tạo thế và lực cho doanh nghiệp trong nước cạnh tranh và hợp tác bình đẳng với các doanh nghiệp FDI, từ đó, chính bản thân các doanh nghiệp FDI sẽ phải chủ động liên kết và thúc đẩy doanh nghiệp nội địa phát triển.

Bốn là, tăng cường phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp phụ trợ.

Đây là ngành then chốt và xương sống của nền kinh tế, khi ngành này chưa phát triển thì việc phụ thuộc công nghệ và lệ thuộc vào công cụ sản xuất là tất yếu. Phát triển mạnh ngành công nghiệp hỗ trợ và gia công

cơ khí để từng bước tự chủ nguồn nguyên vật liệu, linh phụ kiện trong nước, từ đó nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp, giúp tham gia sâu, khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu, tiếp thu khoa học - công nghệ, trình độ kỹ thuật, quản trị tiên tiến từ các doanh nghiệp FDI, hạn chế nhập nguyên vật liệu về làm gia công, nâng cao năng lực tự chủ. Đến năm 2035, các ngành này phải đảm nhận được vai trò cung cấp cho các ngành sản xuất khác về máy móc, công cụ và hệ thống cung ứng tiêu chuẩn đối với vận hành thông suốt lĩnh vực công nghiệp.

Năm là, phát triển khoa học - công nghệ và thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong toàn nền kinh tế.

Công nghệ luôn là phương thức quan trọng để xây dựng một xã hội thịnh vượng. Do đó, cần nhanh chóng thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để tạo xung lực cho nền khoa học nước nhà. Đồng thời, ban hành nghị định về chuyển đổi, ứng dụng công nghệ số, quy định cụ thể quy trình, lĩnh vực, lộ trình phải đạt được trong ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị xã hội, sản xuất - kinh doanh và đời sống nhằm thay thế Quyết định số 479/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để tăng tính pháp lý, từ đó, sẽ tránh được sự lãng phí cơ hội, tụt hậu trong xây dựng kinh tế số, xã hội số.

4. Kết luận

Để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh mới hiện nay, cần tăng năng lực chống chịu cho toàn nền kinh tế. Phải giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, phát triển các ngành hệ thống doanh nghiệp trong nước và các ngành công nghiệp công nghệ cao nhằm tự chủ công nghệ để

bảo đảm nền kinh tế không bị phụ thuộc, chi phối lớn bởi bên ngoài. Một nền kinh tế có nội lực mạnh sẽ thúc đẩy nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, tạo tiền đề để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Tư duy “đi tắt đón đầu” và những lợi ích của cách mạng công nghiệp 4.0 nếu được tận dụng tốt cũng chính là một trong những cách thức giúp đất nước có được độc lập, tự chủ nhờ hội nhập. Trong bối cảnh mới, yêu cầu cần tiếp tục thực hiện hiệu quả và thực chất các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng được đặt ra một cách cấp thiết, giúp tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước trong trung và dài hạn □

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới. Phần I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 914.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 111.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 135.
4. *Công nghiệp chế biến - chế tạo chuyển dịch tích cực*. <https://baodautu.vn>, ngày 13/01/2023.
5. *Thực trạng công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra*. <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 11/12/2023.
6. *Việt Nam cần làm gì để nâng cao năng suất lao động?* <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn>, ngày 14/9/2023.
7. Tổng cục Thống kê (2023). *Năng suất lao động Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020: Thực trạng và giải pháp*.
8. *75 công nghệ và thiết bị của doanh nghiệp Việt Nam có nguồn gốc từ nước ngoài*. <https://vneconomy.vn>, ngày 26/9/2022.
9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025). *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2024*. H. NXB Thống kê, tr. 37.
- 10, 11, 12. Bộ Công Thương (2023). *Báo cáo xuất, nhập khẩu Việt Nam năm 2022*. H. NXB Hồng Đức, tr. 27 - 71, 27, 46.